

Số: 97 /TB-QBVPTR

Kon Tum, ngày 11 tháng 01 năm 2019

THÔNG BÁO
Về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018
cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của tỉnh Kon Tum và dự toán chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum năm 2018;

Căn cứ số liệu diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2018 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy xác nhận;

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định và thông báo chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2018 cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền chi trả DVMTR năm 2018: 4.399.082.351 đồng (*Bốn tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi hai ngàn, ba trăm năm mươi một đồng*), trong đó:

- Tiền chi trả DVMTR đã tạm ứng: 658.804.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi tám triệu, tám trăm lẻ bốn ngàn đồng chẵn*);

- Tiền chi trả DVMTR thanh toán đợt này: 3.740.278.351 đồng (*Ba tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, hai trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm năm mươi một đồng*).

(có biểu chi tiết kèm theo)

2. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy:

2.1. Khẩn trương lập thủ tục thanh toán tiền DVMTR năm 2018 gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước ngày 25/01/2019 theo địa chỉ: số 11 Trần Nguyên Hãn, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để kiểm tra, chi trả theo quy định.



2.2. Quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các quy định khác có liên quan.

2.3. Xác định và chi trả tiền DVMTR cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát về tình hình quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR của các cơ quan chức năng; thực hiện thanh quyết toán theo loại hình hoạt động của đơn vị mình và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo để Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Sa Thầy;
- Giám đốc;
- Phòng TC-HC-KT;
- Lưu VT, KH-KT.

GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Hoàng





THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 97/TB-QBVPTTR ngày 21/01/2019 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

1. Tên bên cung ứng: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy
2. Địa chỉ: thị trấn Sa Thầy - huyện Sa Thầy - tỉnh Kon Tum
3. Nội dung chi tiết:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8=6-7]	[9]
Tổng cộng		9.025,94	8.476,83		4.399.082.351	658.804.000	3.740.278.351	
I	Chi trả theo lưu vực thủy điện	9.025,94	8.476,83		1.886.976.100	658.804.000	1.228.172.100	
1	Nhà máy thủy điện Sê San 3	1.374,87	1.306,13	145.447	189.972.790	66.325.606	123.647.184	
2	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	9.025,94	8.476,83	27.792	235.585.913	82.250.614	153.335.300	
3	Nhà máy thủy điện Sê San 4	9.025,94	8.476,83	152.385	1.291.741.607	450.988.509	840.753.098	
4	Nhà máy thủy điện Sê San 4A	9.025,94	8.476,83	20.016	169.675.790	59.239.271	110.436.519	
II	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá thấp	9.025,94	8.476,83		2.510.174.981		2.510.174.981	
1	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá 200.193 đồng/ha/năm	7.651,07	7.170,70	318.533	2.284.103.687		2.284.103.687	
2	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá 345.641 đồng/ha/năm	1.374,87	1.306,13	173.085	226.071.294		226.071.294	
III	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá thấp từ số tiền không xác định được đối tượng nhận tiền	9.025,94	8.476,83	228	1.931.270		1.931.270	